

NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỐI CÓ KỲ HẠN

G.V. TRẦN HOÀNG NGÂN

Khoa Kế tài ngân

Trong buôn bán quốc tế, thường xuyên có những quan hệ tín dụng thương mại (mua hàng trả chậm) tức là bên nhập khẩu sẽ thanh toán cho bên xuất khẩu sau một thời hạn kể từ ngày nhận hàng. Thời gian đó có thể là 30, 60, 90 ngày hoặc dài hơn tùy theo sự thỏa thuận đôi bên. Trong khoảng thời gian này biết bao rủi ro sẽ đến với cả hai bên. Một trong những rủi ro đó là biến động tỷ giá hối đoái. Giá ngoại tệ khi thanh toán tăng lên so với thời điểm nhận hàng sẽ làm cho bên nhập khẩu bị thua lỗ, và ngược lại giá đồng ngoại tệ nhận được bị giảm sẽ làm cho bên xuất khẩu thua lỗ và có khi phá sản.

Ví dụ: Một công ty nhập khẩu X Việt Nam nhập lô hàng trị giá 100.000 USD của Singapore vào ngày 2.01.91, thời điểm thanh toán là 1.10.91. Tỷ giá USD/VND vào thời điểm nhận hàng là 1 USD = 7200 VNĐ và vào thời điểm thanh toán là 1 USD = 12.000 VNĐ. Như vậy công ty nhập khẩu X Việt Nam phải chi 1,2 tỷ đồng để mua 100.000 USD nói trên, khoản tiền này quá lớn so với số tiền mà đơn vị thu được do việc tiêu thụ hàng hóa.

Một ví dụ ngược lại: tỷ giá USD/VND hạ từ 13.000 (lúc giao hàng) xuống còn 10.500 (lúc thanh toán), với công ty X Việt Nam là đơn vị xuất khẩu, thì dư kiện trên sẽ làm công ty này thua lỗ nặng.

Tình hình trên thường xảy ra ở những nước thực hiện cơ chế tỷ giá thị trường. Vì vậy để giúp các đơn vị xuất hay nhập khẩu hạn chế rủi ro về hối đoái như trên, ngân hàng thương mại sẽ cung cấp cho khách hàng của mình những nghiệp vụ hối đoái để chịu: nghiệp vụ *Forward*, *Call Options*, *Put Options*...

Bài viết này xin giới thiệu nghiệp vụ *kinh doanh ngoại hối có kỳ hạn* gọi tắt là *ng nghiệp vụ Forward*. Đây là nghiệp vụ đang được áp dụng phổ biến tại các ngân hàng thương mại các nước kinh tế thị trường.

Nghiệp vụ *Forward* là một giao dịch hối đoái mà trong đó mọi dữ kiện được định ra vào thời điểm hiện tại (loại ngoại tệ, số lượng ngoại tệ, tỷ giá mua bán ngoại tệ đó) nhưng việc thực hiện sẽ diễn ra trong tương lai. Hay nói cách khác đây là một phương thức mua bán ngoại tệ trong tương lai theo các dữ kiện đã được xác định trước tại thời điểm thỏa thuận mua bán ngoại tệ.

Ví dụ: Một công ty nhập khẩu của Pháp (A) nhập lô hàng trả chậm trị giá 100.000 USD vào ngày 1.6 và thời điểm thanh toán là ngày 30.8.

Trong thời gian này, công ty (A) sống trong giai đoạn rủi ro, vì nếu vào thời điểm thanh toán, giá USD tăng vọt trên thị trường hối đoái thì công ty sẽ lỗ nặng. Để thoát khỏi rủi ro do biến động tỷ giá, công ty (A) sẽ đến ngân hàng vào ngày 1.6 để yêu cầu cung ứng cho mình nghiệp vụ *Forward*. Cụ thể là công ty và ngân hàng sẽ ký một hợp đồng trong đó: Ngân hàng đồng ý bán cho công ty 100.000 USD vào thời điểm 30.8, công ty sẽ thanh toán cho ngân hàng số FRF (franc Pháp) theo tỷ giá được 2 bên thỏa thuận là Y (1USD=Y FRF). Ba tháng sau, đến ngày 30.8, cho dù tỷ giá USD/FRF trên thị trường có lớn hay nhỏ hơn Y, nhưng nay bên vẫn phải thực hiện theo đúng hợp đồng đã ký. Tức là công ty (A) sẽ chuyển cho ngân hàng (100.000 x Y) FRF để nhận lại 100.000 USD thanh toán cho nước ngoài và như

vậy công ty Pháp có thể tính được thu, chi và lợi nhuận của lô hàng ngay từ khi ký hợp đồng, từ đó mà có quyết định đúng đắn khi ký kết hợp đồng mua bán.

Vấn đề còn lại ở đây là tỷ giá có kỳ hạn Y sẽ được tính toán, thỏa thuận trên cơ sở nào để tổ chức xuất nhập khẩu có thể đồng ý mua hoặc bán và ngân hàng đồng ý bán hoặc mua? Tức là tỷ giá có kỳ hạn phải được tính toán dựa trên cơ sở khoa học và đảm bảo được quyền lợi cho cả hai bên.

Hiện nay tại các ngân hàng thương mại ở các nước phát triển, việc tính toán tỷ giá có kỳ hạn được xác định trên cơ sở tỷ giá giao ngay (tỷ giá *Spot*) và lãi suất của 2 đồng tiền có liên quan. Công thức tính toán tỷ giá có kỳ hạn được tính như sau:

$$TK = TS \times \frac{1+KLB}{1+KLA}$$

Trong đó:

+ TK là tỷ giá có kỳ hạn của đồng tiền A so với đồng tiền B (A/B), TS là tỷ giá giao ngay (A/B)

+ K là thời hạn (ngày, tháng, năm)

+ LA là lãi suất của đồng A (lãi suất của ngày, tháng, năm) và LB là lãi suất của đồng B (lãi suất theo ngày, tháng, năm)

Ví dụ: Tỷ giá giao ngay (TS) của đồng đô-la Mỹ với franc Pháp là 5,40.

- Lãi suất USD: 4%/năm- Lãi suất FRF: 8%/năm

- Kỳ hạn là 3 tháng.

- Tỷ giá có kỳ hạn (TK) 3 tháng của USD/FRF là:

$$TK = 5,40 \times \frac{1 + \frac{4}{100} \times \frac{3}{12}}{1 + \frac{8}{100} \times \frac{3}{12}} = 5,4535$$

$$1USD = 5,4535FRF$$

Tuy nhiên vì công thức trên tương đối phức tạp về mặt tính toán vì vậy các ngân hàng đã đơn giản và rút gọn công thức trên như sau: (Khi KLA quá nhỏ $\rightarrow 0$)

$$TK = TS + (LB - LA) \cdot TS \cdot K$$

Forward Rate = Spot Rate + Swap Cost

- Khi LB > LA thì TK > TS phần chênh lệch này được gọi là điểm gia tăng (Report; premium)

- Khi LB < LA $\Rightarrow$ TK < TS phần chênh lệch này được gọi là điểm khấu trừ (Deport, discount)

Chứng minh công thức tỷ giá có kỳ hạn (TK)

Để hạn chế rủi ro ngân hàng cần tiến hành một số nghiệp vụ sau:

- Ngân hàng vay (100.000 x 5,4) FRF, thời hạn là 3 tháng, lãi suất đồng FRF (LB = 8%/năm).

- Sử dụng số FRF này ngân hàng mua ngay 100.000 USD theo tỷ giá giao ngay (TS = 5,4 FRF).

- Số USD này ngân hàng chưa cần ngay, vì vậy ngân hàng sẽ cho vay (gửi trên thị trường tiền gửi), thời hạn là 3 tháng, lãi suất USD (LA = 4%/năm)

Sau 3 tháng, để rủi ro là không, thì tổng thu = tổng chi

$$\text{Tổng thu} = \text{Tổng chi}$$

$$100.000USD \left(1 + \frac{4}{100} \times \frac{3}{12}\right) TK = 100000 \times 5,4 \left(1 + \frac{8}{100} \times \frac{3}{12}\right)$$

$$TK = 5,4 \times \frac{1 + \frac{4}{100} \times \frac{3}{12}}{1 + \frac{8}{100} \times \frac{3}{12}} = TS \times \frac{(1+KLB)}{(1+KLA)}$$

Tài liệu tham khảo chính

Thị trường Hối đoái của Viện tiền tệ - Tín dụng 1991